

Số: **28** /2017/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **07** tháng **8** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách đối với Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi số 16/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020; Chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp thứ 13 khóa XIV về việc ban hành một số chính sách thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội, giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 126/TTr-SNN ngày 07 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách đối với Chương trình phát

Ph

triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 363/STP-VBPQ ngày 02 tháng 3 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách đối với Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.

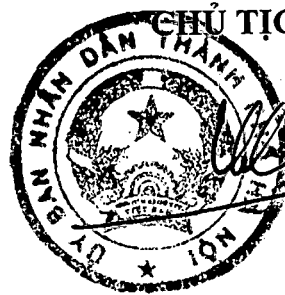
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP (Để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP,
- UBMTTQ và các đoàn thể TP,
- Các Sở, Ban, ngành TP;
- HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, các PVP UBND TP;
- Các Phòng Chuyên viên;
- Website, Công báo, cổng TTĐT thành phố,
- Đài PT&TH HN, báo HN mới, KTĐT;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Chung

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2017

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách đối với Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 28 /2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Điều 1. Trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng đường giao thông, kênh mương trục chính cấp, tiêu nước

1. Đại diện các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách gửi Công văn đề nghị hỗ trợ (đối với tổ chức) hoặc Đơn đề nghị hỗ trợ (đối với cá nhân) đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

2. Tổ chức, cá nhân gửi phương án, dự án kèm theo Công văn đề nghị hỗ trợ (đối với tổ chức) hoặc Đơn đề nghị hỗ trợ (đối với cá nhân) đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Kinh tế) thẩm định.

3. Phòng Kinh tế thẩm định dự án, phương án của các tổ chức, cá nhân trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân kèm theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện và hồ sơ dự án, phương án Phòng Kinh tế đã thẩm định.

5. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng hợp gửi Sở Tài chính kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân.

6. Ngân sách Thành phố ứng trước 70% kinh phí hỗ trợ, số kinh phí còn lại được hỗ trợ sau khi công trình hoàn thành, nghiệm thu quyết toán và đưa vào sử dụng.


7. Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông nghiệp kiểm tra, nghiệm thu công trình; phê duyệt quyết toán khi công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng.

8. Hồ sơ của các tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ gồm:

a) Hồ sơ đề nghị tạm ứng:

Công văn đề nghị hỗ trợ (đối với tổ chức) hoặc Đơn đề nghị hỗ trợ (đối với cá nhân) đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

Dự án, phương án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

Hợp đồng mua vật tư xây dựng (xi măng, gạch, đất, cát, sỏi, sắt, thép...). 

b) Hồ sơ đề nghị thanh toán:

Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng;

Quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Hóa đơn mua vật tư xây dựng (xi măng, gạch, đất, cát, sỏi, sắt, thép...).

9. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 2. Trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí khoan giếng cấp nước tưới, xử lý môi trường

1. Đại diện các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện Công văn đề nghị hỗ trợ (đối với tổ chức) hoặc Đơn đề nghị hỗ trợ (đối với cá nhân) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xác nhận tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng đối tượng được hưởng chính sách gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

a) Đối với hệ thống tưới, xử lý môi trường trong lĩnh vực trồng trọt, thiết bị làm giàu ô xy trong nuôi trồng thủy sản: Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản nghiệm thu, hóa đơn lắp đặt công trình khoan giếng, đào giếng do Ủy ban nhân dân xã và đại diện nhân viên bảo vệ thực vật cấp xã với các tổ chức, cá nhân thực hiện; hóa đơn mua thiết bị làm giàu ô xy nuôi trồng thủy sản; hóa đơn mua thùng chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật;


b) Đối với hạng mục công trình xử lý chất thải trong chăn nuôi: Đơn đề nghị (đối với cá nhân) và Công văn đề nghị (đối với tổ chức) hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; phương án xây dựng, lắp đặt công trình xử lý chất thải chăn nuôi; bản vẽ thiết kế thi công và dự toán công trình xử lý chất thải chăn nuôi (đối với loại hầm xây), hợp đồng và thanh lý hợp đồng đối với công trình lắp ráp bằng chất liệu composite; biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo theo quy định về môi trường có sự tham gia Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã, đại diện của Ủy ban nhân dân xã và đại diện cán bộ thú y xã với các tổ chức, cá nhân;

c) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và thực hiện hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách; thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề

1. Đối tượng được hưởng chính sách nộp đơn đăng ký đào tạo nghề kèm theo bản sao đã được công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp theo quy định của pháp luật để Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn trước ngày 15 tháng 7 hàng năm.

3. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí đào tạo nghề gửi Sở Tài chính tổng hợp cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm. 

4. Sau khi có quyết định giao dự toán ngân sách, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ theo quy định của nhà nước và Thành phố, tổ chức đào tạo nghề cho các đối tượng được hưởng chính sách. Hồ sơ thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ tập huấn kỹ thuật

1. Trước ngày 10 tháng 7 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện số lượng học viên, nội dung cần tập huấn kỹ thuật cho đối tượng được hưởng chính sách.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, tổng hợp nhu cầu tập huấn kỹ thuật phù hợp với kế hoạch thực hiện vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15 tháng 7 hàng năm để làm cơ sở xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách.

3. Sau khi có quyết định giao dự toán ngân sách, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ dự toán cho các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện biết để phối hợp tổ chức thực hiện. Hồ sơ thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư giống cây trồng, thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng chính sách có văn bản cam kết đủ năng lực để đối ứng và đề nghị hỗ trợ giống, kê khai các thông tin cơ bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại để đăng ký hỗ trợ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp nhu cầu gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn trước ngày 15 tháng 7 hàng năm để làm cơ sở xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách.

3. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính tổng hợp cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm.

4. Sau khi có quyết định giao dự toán ngân sách, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ theo quy định của nhà nước và Thành phố, hỗ trợ cho các đối tượng được hưởng chính sách. Hồ sơ thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ phòng chống dịch bệnh

1. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng chính sách có văn bản cam kết đủ năng lực để đối ứng và đề nghị hỗ trợ phòng chống dịch bệnh gửi Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại để đăng ký hỗ trợ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp nhu cầu gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn trước ngày 15 tháng 7 hàng năm để làm cơ sở xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách. *Q*

3. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính tổng hợp cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm.

4. Sau khi có quyết định giao dự toán ngân sách, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ theo quy định của nhà nước và Thành phố, hỗ trợ cho các đối tượng được hưởng chính sách. Hồ sơ thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 7. Trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ về đầu tư phát triển sản xuất

1. Hỗ trợ lãi suất khi vay vốn ngân hàng thương mại:

1.1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ lần đầu gồm:

Văn bản đề nghị của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng chính sách có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bản sao hợp lệ: Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, bản kê tính lãi của ngân hàng thương mại, hóa đơn mua máy móc, thiết bị.

b) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ từ lần thứ hai trở đi bao gồm đơn xin hỗ trợ kèm theo bản sao kê lãi suất của ngân hàng nơi vay vốn.

1.2 Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp các trường hợp đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ, gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

1.3 Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (theo Luật Ngân sách).

1.4 Thời gian thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ quy định mỗi Quý một lần vào các ngày thứ Hai, thứ Tư tuần cuối của tháng cuối quý. Hồ sơ xin hỗ trợ kinh phí lần đầu phải gửi trước 15 ngày kể từ ngày hết hạn thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ hàng quý.

2. Hỗ trợ lãi suất khi vay vốn Quỹ Khuyến nông

Đề đơn giản thủ tục và chi phí cho các đối tượng thụ hưởng chính sách, hồ sơ hỗ trợ lãi suất khi vay vốn Quỹ Khuyến nông như sau:

a) Đơn xin vay vốn Quỹ Khuyến nông ghi rõ đề nghị Thành phố hỗ trợ 100% phí quản lý Quỹ Khuyến nông. Quỹ Khuyến nông tổng hợp kinh phí hỗ trợ phí quản lý kèm theo bản kê tính lãi, hóa đơn mua máy móc, thiết bị gửi Trung tâm Khuyến nông;

b) Trung tâm Khuyến nông là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, chuyển tiền hỗ trợ phí quản lý cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vào tài khoản Quỹ Khuyến nông sau khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

c) Cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, Trung tâm Khuyến nông dự kiến mức hỗ trợ phí quản lý Quỹ Khuyến nông gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thẩm định, gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua và giao dự toán kinh phí hỗ trợ. Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ phí quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Trường hợp số đã cấp lớn

hơn số phí quản lý Quỹ thực tế phát sinh, Quỹ Khuyến nông có trách nhiệm nộp trả ngân sách Thành phố; trường hợp số đã cấp nhỏ hơn số phí quản lý Quỹ thực tế phát sinh, ngân sách thành phố sẽ cấp bổ sung vào niên độ ngân sách tiếp theo.

Điều 8. Trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn

1. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng chính sách có văn bản cam kết đủ năng lực để đối ứng và đề nghị xây dựng mô hình trình diễn nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gửi Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện chọn điểm, chọn hộ xây dựng mô hình trình diễn đáp ứng các tiêu chí nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đồng thời xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách.

3. Sau khi có quyết định giao dự toán ngân sách, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phân bổ dự toán kinh phí cho các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức thực hiện. Việc thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, cá nhân

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định hồ sơ, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp; thực hiện việc thanh toán kinh phí hỗ trợ theo quy định;

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, các tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách;

c) Tổ chức thực hiện chính sách theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Nhà nước; kiểm tra, đôn đốc các quận, huyện, thị xã, các tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách;

d) Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất điều chỉnh, bổ sung những nội dung chính sách chưa phù hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối ngân sách hàng năm để thực hiện chính sách; *Ph*

b) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra việc quản lý, sử dụng thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Phối hợp với Sở Tài chính đảm bảo cân đối ngân sách hàng năm để thực hiện chính sách;

b) Phối hợp với các sở, ngành kiểm tra, đôn đốc thực hiện chính sách theo chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định các nội dung về máy móc, thiết bị công nghệ cao trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã trong việc hướng dẫn thực hiện các quy định, giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai, môi trường, quản lý tài nguyên môi trường liên quan đến hoạt động đầu tư.

6. Các Sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan:

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã trong việc thực hiện chính sách nông nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

7. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã:

a) Tuyên truyền, phổ biến, sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân; thực hiện niêm yết công khai chính sách tại trụ sở và tại các thôn, bản, tổ dân phố về một số chính sách thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội, giai đoạn 2016-2020 để các tổ chức, cá nhân biết, tham gia thực hiện;

b) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện chính sách kịp thời, hiệu quả, theo đúng các quy định hiện hành của Trung ương, Thành phố;

c) Phối hợp với các sở, ngành Thành phố hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện chính sách.

d) Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tình hình triển khai thực hiện dự án để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

8. Các doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ, trang trại nông nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

a) Phối hợp với phòng chuyên môn thuộc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách;

b) Sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, phục vụ sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các quy định của chính sách này được khen thưởng theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các nội dung của quy định này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài các chính sách ưu đãi và hỗ trợ trong quy định này, các đối tượng thụ hưởng chính sách đầu tư sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hưởng các chính sách khác của Trung ương và Thành phố theo quy định nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ thì đối tượng thụ hưởng chính sách được lựa chọn mức hỗ trợ cao nhất và có lợi nhất.

4. Trong quá trình thực hiện chính sách, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan cần phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

